

Số: 58/ KH- MN

Đông Triều, ngày 10 tháng 9 năm 2017

KẾ HOẠCH

Chi các khoản thu theo quy định và các khoản thu theo thỏa thuận đóng góp tự nguyện năm học 2017 – 2018.

Căn cứ vào Hướng dẫn công văn số 2257/SGDDĐT-KHTC ngày 23/8/2017 của sở Giáo Dục và Đào Tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2017-2018,

Công văn số 868/PGD&ĐT ngày 29/08/2017 về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường MN, TH, THCS trên địa bàn thị xã năm học 2017 – 2018,

Căn cứ vào hướng dẫn bổ sung việc thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2017 – 2018 ngày 07 tháng 09 năm 2017,

Căn cứ vào việc hướng dẫn bổ sung các khoản thu trong các trường MN, TH, THCS trên địa bàn thị xã năm học 2017 – 2018 ngày 08/09/2017.

Trường Mầm non Hồng Phong làm kế hoạch thu - chi các khoản trong năm học cụ thể như sau:

Tổng số trẻ: 310 HS

Tổng số nhóm lớp:11

A. Các khoản thu theo quy định

I. Đối với thu Học phí : (*Thực hiện theo mức quy định tại nghị quyết số 24/2016/NQ – HĐND ngày 27/7/2016 của hội đồng nhân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2016 – 2017 đến năm học 2020 – 2021).*

1. Mức thu Học phí: Thu theo tháng hoặc thu theo học kỳ: (Kỳ I: 4th; Kỳ II: 5th)

$$50.000\text{đ}/\text{hs}/\text{tháng} \times 4^{\text{th}} = 200.000\text{đ}/\text{trẻ}/\text{học kỳ I}$$

$$50.000\text{đ}/\text{hs}/\text{tháng} \times 5^{\text{th}} = 250.000\text{đ}/\text{trẻ}/\text{học kỳ II}$$

- Dùng 40% chi cải cách tiền lương
- Dùng 60% cho hoạt động chuyên môn của đơn vị.

B. các khoản thu theo thỏa thuận hoặc đóng góp tự nguyện

I. Chi phục vụ bán trú

1. Tiền ăn 14.000đ/trẻ /ngày Trong đó:

- Bữa chính	=	10.000đ/hs/ngày
- Bữa phụ	=	2.500/hs/ngày
- Chất đốt	=	1.500đ/hs/ngày

Số nhân viên cấp dưỡng cần thuê : 05 người (Chi theo tháng)

Lấy mức lương tối thiểu vùng: 2.900.000đ : 26 ngày/tháng = 111.500đ/ngày

Lấy 111.500đ/ngày X 22 ngày đi làm/tháng = 2.453.000đ/người/tháng

2.453.000đ/người/tháng X 5 người = 12.265.000đ.

Tổng 12.265.000đ/tháng: 310 hs = 39.564/trẻ/tháng (làm tròn :40.000/trẻ/tháng)

*** Vậy dự kiến thu tiền thuê nhân viên cấp dưỡng là: 40.000/trẻ/tháng**

4. Chi tiền đón trẻ sớm trả trẻ muộn. Mức đóng 60.000 đ/trẻ/ tháng

* Tiền thêm giờ cho cán bộ quản lý, giáo viên làm việc đón trẻ sớm trả trẻ muộn.

Lấy mức lương cơ bản 1.300.000đ x 2.4% = 31.200/giờ

Vậy số tiền bình quân tính 1 giờ làm thêm cho việc đón sớm trả muộn cho cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp làm đón trẻ sớm trả trẻ muộn là : 31.200đ/h

4.1. Số người trong BGH tham gia là: 04. (Tổng điểm trường 03 điểm , mỗi một đ/c trực 1 điểm trường).

***Cách tính lấy mức lương cơ bản: 1.300.000đ x 2.4% = 31.200đ/giờ (Áp dụng cho quản lý, giáo viên đăng ký làm đón trẻ sớm trả trẻ muộn)**

- Dự kiến lương của Hiệu trưởng là: 18 giờ/tháng x 31.200đ = 561.600đ/tháng

- Dự kiến lương của Hiệu phó là: 16 giờ/tháng x 31.200đ = 499.200đ/người/tháng

$$499.200\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 3 \text{ người} = 1.497.600\text{đ}/\text{tháng}$$

Tổng số tiền chi cho ban giám hiệu là: 2.059.200đ

4.2. Số giáo viên tham gia làm đón trẻ sớm trả trẻ muộn là: 22 người

Tổng số giờ làm thêm trong tháng ; 22h x 1 người = 22h/người/th

Lương làm thêm giờ 1 tháng của giáo viên là:

$$31.200\text{đ} \times 22\text{h}/\text{th} = 686.400\text{đ}/\text{người}/\text{tháng}$$

$$686.400\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 22 \text{ người} = 15.100.800\text{đ}/\text{tháng}$$

Tổng số tiền chi cho giáo viên là: 15.100.800đ/tháng

4.1. Chi nhân viên thu tiền kế toán, y tế làm thêm giờ cho việc làm đón trẻ sớm trả trẻ muộn 03 người.

- Tổng số nhân viên làm thêm giờ : 03 người

Lấy mức lương cơ bản 1.300.000đ x 2,4% = 31.200đ/giờ

* Vậy số tiền bình quân tính 1 giờ làm thêm cho việc đón sớm trả muộn cho nhân viên kế toán, y tế làm đón trẻ sớm trả trẻ muộn là : 31.200đ/h

$$31.200\text{đ} \times 15\text{h}/\text{người}/\text{tháng} \times 1 \text{ người} = 468.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng}$$

$$468.000\text{đ}/\text{người}/\text{tháng} \times 3 \text{ người} = 1.404.000\text{đ}/\text{tháng}$$

Tổng số tiền chi cho nhân viên là: 1.404.000đ

*** Dự kiến số học sinh đăng ký đi sớm đón muộn: 310 HS**

Số tiền cần chi cho việc đón sớm trả muộn trong 1 tháng của CBQL, GV, NV số tiền là:

+ Quản lý : 2.059.200 đ/th

+ Giáo viên: 15.100.800đ/th

+ Nhân viên: 1.404.000đ/th

Tổng cộng: 18.564.000đ : 310hs = 59.883/trẻ/tháng (làm tròn 60.000/trẻ/tháng)

*** Vậy số tiền dự kiến chi trả tiền công đón trẻ sớm trả trẻ muộn 60.000đ/trẻ/th**

6. Tiền giấy vệ sinh + quét dọn vệ sinh công tác phục vụ bán trú:

6.1. Thuê tiền lao công dọn vệ sinh phục vụ ăn bán trú.

+ Điểm trung tâm (08 lớp học) : 1.000.000đ/th

+Điểm lẻ Bến Triều (02 lớp) : 500.000đ/th

+Điểm lẻ Đông Tân (01 lớp) : 400.000đ/th

Tổng cộng 3 điểm: 1.900.000đ/th : 310 hs = 6.129đ/trẻ/th (1) Làm tròn 6.000đ/trẻ/T

6.2.Tiền mua giấy vệ sinh:

Dự kiến 1 cuộn/lớp/ngày x 4.500/cuộn x 22 ngày = 99.000đ/lớp/th

99.000đ x 11 lớp = 1.089.000đ/th : 307hs = 3.547đ/trẻ/th (2)

Tổng cộng (1) + (2) = 9.547đ/trẻ/th (Làm tròn 10.000đ/trẻ/th).

*** Vậy dự kiến chi tiền thuê lao công + giấy vệ sinh phục vụ ăn bán trú: 10.000đ/trẻ/th**

7. Mua sắm vật dụng tiêu hao :(Xà phòng, nước lau sàn, dầu rửa bát.....)

- Xà phòng giặt ô mô 02gói (0,8kg)/1 lớp x 35.000đ/gói x 22 gói x 11 lớp = 770.000đ

- Sữa rửa tay laiboy 03 lọ/lớp/th x 27.000đ x 11 lớp = 891.000đ

-Nước lau kính Gift 2 lọ/lớp x 25.000đ x 11 lớp =550.000đ

- Nước lau sàn sunligl 02 chai/lớp x 30.000đ/chai x 11 lớp = 660.000đ

- Vin rửa bồn cầu vệ sinh : 02 chai/lớp x 25.000đ/chai x 11 lớp = 550.000đ

- Dầu rửa bát sunligt 4 can x 90.000đ/can = 360.000đ

- Gang tay cao su : 02 đôi/lớp/th x 20.000đ/đôi x 11 lớp = 440.000đ

- Gang tay chia thực phẩm 06 hộp x 10.000đ/hộp = 60.000đ

Tổng số tiền chi: 4.281.000đ : 310 hs = 13.809đ/trẻ/th (làm tròn 14.000đ/trẻ/th)

***Vậy số tiền dự kiến mua vật dụng tiêu hao là: 14.000đ/trẻ/th**

8. Mua sắm vật dụng chung phục vụ bán trú: Dựa vào biên bản kiểm kê của các bếp ăn, các lớp đầu năm học 2017 – 2018. nhà trường đưa ra kế hoạch mua bổ xung đồ dùng , dùng chung cho ăn học bán trú tại trường năm học 2017 – 2018.

Tổng số học sinh mới đi: 72 HS

Tổng số học sinh đi các năm trước: 238 HS

a. Mua mới đồ dùng ban đầu: danh cho trẻ mới đi: 72 HS

STT	Nội dung	Tổng số cần sử dụng trong năm	Đơn vị tính	Số đã có	Cần mua bổ sung	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bát Inox	72	Cái		72	10.000	720.000	1 cái/ trẻ
2	Thìa Inox	72	Cái		72	5.000	360.000	1 cái/ trẻ
3	Cốc Inox	72	Cái		72	5.000	360.000	1 cái/ trẻ
4	Xoong đựng cơm	72	Cái		03	200.000	600.000	1/cái/lớp
5	Xoong đựng canh	72	Cái		03	200.000	600.000	1/cái/lớp
6	Xoong đựng thức ăn	72	Cái		03	150.000	450.000	1/cái/lớp
7	Chiều cới (1.2m)	18	Cái		18	65.000	1.170.000	1 chiều/ 4trẻ
8	Chăn bông	18	Cái		18	250.000	4.500.000	1cái/ 4 trẻ
9	Đĩa đựng khăn	36	Cái		36	3.000	108.000	1 cái /4 trẻ
10	Khăn rửa mặt	72	Cái		72	15.000	1.080.000	
11	Khăn lau tay	72	Cái		72	5.000	360.000	
	Tổng cộng						10.308.000	
	Dự kiến học sinh mới đi: 72 hs: Tổng số tiền dự kiến chi: 10.308.000 : 72 hs = 143.000/trẻ/năm							

B, Mua sắm bổ xung học sinh cũ đi từ năm trước: 238 HS								
1	Thìa Inox	238	Cái	150	88	5.000	410.000	1 cái/ trẻ
2	Cốc Inox	238	Cái	208	30	5.000	60.000	1 cái/ trẻ
3	Chiếu cời (1,2m)	59	Cái	0	59	65.000	3.835.000	1 chiếu/ 4trẻ
4	Xoong nhôm to (Đựng cơm)	10	Cái	08	2	200.000	400.000	1 cái / lớp
5	Xoong nhôm to(Đựng canh)	10	Cái	08	2	200.000	400.000	1 cái/ lớp
6	xoong nhôm nhỏ (đựng thức ăn)	10	Cái	08	2	150.000	300.000	cái/lớp
7	Khăn rửa mặt	238	Cái		238	15.000	3.570.000	1 cái/ trẻ
8	Khăn lau tay	238	Cái		238	5.000	1.190.000	1 cái/ trẻ
9	Chăn bông	59	Cái	39	20	250.000	5.000.000	1 cái/ 4 trẻ
Tổng cộng							15.165.000	
Dự kiến học sinh cũ đi: 182 hs: Tổng số tiền dự kiến chi: 15.165.000 : 238 hs = 63.718/trẻ/năm								

c, Mua vật dụng dùng chung cho cả trẻ mới và cũ								
1	Dao Inox chặt	6	Cái	3	3	150.000	600.000	2 con /bếp
2	Dao Inox thái	6	Cái		6	70.000	140.000	2 con /bếp
3	Dao con	4	Cái		4	20.000	80.000	1 con /bếp
4	Rổ nhựa to đựng bát	10	Cái	5	5	40.000	360.000	1 cái / lớp
5	Rổ nhựa nhỏ (đựng thìa)	10	Cái	5	5	20.000	200.000	1 cái / lớp
6	Thớt gỗ nghiêng (băm thái)	3	Cái		3	200.000	600.000	1 cái / bếp
7	Thớt nhựa thái đồ chín	3	Cái		3	50.000	150.000	1 cái / bếp
8	Chậu nhựa (Để khăn mặt)	10	Cái		10	30.000	300.000	1 cái / trẻ
9	Chậu để khăn lau tay	10	Cái		10	30.000	300.000	1 cái /trẻ
10	Chổi chít	22	Chiếc		22	30.000	660.000	2 cái / lớp
11	Cây lau nhà	14	Cái		14	80.000	1.120.000	1 cái / lớp
12	Nồi to nấu thức ăn 100L	10	Cái		2	315.000	630.000	1 cái / lớp
13	Nồi đựng cơm 20L	12	Cái		2	150.000	300.000	1 cái / lớp
14	Máy say thịt loại nhỏ		Cái		1	840.000	840.000	1 cái/bếp
15	Đũa nấu	5	Đôi		5	10.000	50.000	1 cái /bếp
16	Lạo rau củ	12	Cái		12	10.000	120.000	3 cái /bếp
Tổng							6.450.000	
Tổng số tiền dự kiến chi cho việc mua bổ xung những vật dụng dùng chung cho cả trẻ cũ và mới là: 6.450.000đ : 310 hs = 20.806/trẻ/năm								

Tổng số tiền dự kiến chi mua cho số học sinh mới đi $10.308.000 : 72 \text{ HS} = 143.000\text{đ/trẻ/năm}$

Tổng số tiền dự kiến chi mua bổ xung cho số học sinh cũ : $15.165.000\text{đ} : 238 \text{ HS} = 63.718 \text{ đ/trẻ/năm}$

Tổng số tiền cần chi mua bổ xung những đồ dùng chung cho học sinh mới và học sinh cũ:

$6.450.000\text{đ} : 310 \text{ HS} = 20.806 \text{ đ/trẻ/năm.}$

Số tiền 1 học sinh mới đi phải đóng là: $143.000\text{đ} + 20.806\text{đ} = 163.806\text{đ}$ (Làm tròn 163.000đ/trẻ/năm)

Số tiền 1 học sinh cũ phải đóng là: $63.718\text{đ} + 20.806\text{đ} = 84.524\text{đ}$ (Làm tròn 83.000đ/trẻ/năm)

Tiền ăn : 14.000đ/trẻ/ ngày

Tiền thuê cấp dưỡng : $40.000\text{đ/trẻ/ tháng}$

Tiền thuê lao công, giấy vệ sinh : 10.000đ/trẻ/tháng

Vật dụng tiêu hao : 14.000đ/trẻ/tháng

Tiền học phí : $50.000\text{đ/trẻ/ tháng}$

Trên đây là kế hoạch thu chi của trong năm học 2017 – 2018 của nhà trường.

Kế hoạch này được thông báo cán bộ giáo viên nhân viên toàn trường và triển khai trước cuộc họp phụ huynh học sinh toàn trường . Kế hoạch được áp dụng thực hiện từ ngày 06 tháng 09 năm 2017.

HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Kim Oanh

